

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**VŨ THỊ VÂN PHƯỢNG**

**QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN**  
**TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

**Ngành: QUẢN LÝ KINH TẾ**

**THÁI NGUYÊN - 2019**

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ VÀ QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**VŨ THỊ VÂN PHƯỢNG**

**QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN**  
**TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH**

**Ngành: Quản lý kinh tế**  
**Mã số: 8.34.04.10**

**LUẬN VĂN THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

**Người hướng dẫn khoa học: TS. PHẠM THỊ NGA**

**THÁI NGUYÊN - 2019**

**LỜI CAM ĐOAN**

Tôi xin cam đoan rằng, đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Những số liệu, thông tin và kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực và chưa được sử dụng để bảo vệ bất cứ một luận văn nào. Mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong luận văn đều đã được ghi rõ nguồn gốc.

*Thái Nguyên, tháng 4 năm 2019*

**Tác giả**

***Vũ Thị Vân Phượng***

## LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện đề tài: “*Quản lý sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh*”, tôi đã nhận được sự hướng dẫn, giúp đỡ, động viên của nhiều cá nhân và tập thể. Tôi xin được bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc nhất tới tất cả các cá nhân và tập thể đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong học tập và nghiên cứu.

Tôi xin trân trọng cảm ơn các thầy giáo, cô giáo trong Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo, các khoa, phòng của Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên đã giảng dạy, hướng dẫn, tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và hoàn thành luận văn này. Đặc biệt, xin chân thành cảm ơn sự chỉ bảo, hướng dẫn, giúp đỡ tận tình, chu đáo của cô giáo hướng dẫn **TS. Phạm Thị Nga**.

Tôi xin cảm ơn sự giúp đỡ, đóng góp nhiều ý kiến quý báu của các thầy, cô giáo trong Trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Đại học Thái Nguyên.

Trong quá trình thực hiện đề tài, tôi luôn nhận được sự giúp đỡ, động viên của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh, Trưởng phòng Tài vụ, sự phối hợp, cộng tác của các phòng, ban, đơn vị thuộc Công ty, tôi xin chân thành cảm ơn Ban giám đốc Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh, các Trưởng phòng, ban, đơn vị và gia đình, người thân, bạn bè đã có nhiều ý kiến đóng góp quý báu, động viên, tạo điều kiện mọi mặt để tôi hoàn thành nghiên cứu này.

Tôi xin bày tỏ sự cảm ơn sâu sắc đối với mọi sự giúp đỡ quý báu đó.

*Thái Nguyên, tháng 4 năm 2019*

**Tác giả**

***Vũ Thị Vân Phượng***

## MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN .....	i
LỜI CẢM ƠN .....	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC VIẾT TẮT .....	vi
DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ.....	vii
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
4. Ý nghĩa khoa học của nghiên cứu .....	3
5. Bố cục của luận văn .....	4
<b>Chương 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ VỐN VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN TRONG DOANH NGHIỆP</b> .....	5
1.1. Cơ sở lý luận về vốn và quản lý sử dụng vốn trong Doanh nghiệp .....	5
1.1.1. Cơ sở lý luận về vốn.....	5
1.1.2. Cơ sở lý luận về quản lý sử dụng vốn trong doanh nghiệp.....	16
1.2. Cơ sở thực tiễn về quản lý sử dụng vốn và kinh nghiệm tại một số doanh nghiệp cũng như bài học rút ra đối với Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh.....	23
1.2.1. Hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp nước ta hiện nay .....	23
1.2.2. Kinh nghiệm về quản lý sử dụng vốn tại một số doanh nghiệp.....	25
1.2.3. Bài học kinh nghiệm rút ra về quản lý sử dụng vốn đối với Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh.....	29
<b>Chương 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU</b> .....	31
2.1. Câu hỏi nghiên cứu .....	31
2.2. Chọn điểm nghiên cứu .....	31
2.3. Các phương pháp nghiên cứu đề tài.....	31
2.3.1. Phương pháp thu thập thông tin .....	31

2.3.2. Phương pháp tổng hợp thông tin.....	32
2.3.3. Phương pháp phân tích thông tin .....	32
2.4. Hệ thống chỉ tiêu nghiên cứu .....	32
2.4.1. Chỉ tiêu đánh giá khái quát khả năng thanh toán .....	32
2.4.2. Chỉ tiêu đánh giá khả năng sinh lời vốn.....	34
<b>Chương 3. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH .....</b>	<b>38</b>
3.1. Giới thiệu về Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh .....	38
3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	38
3.1.2. Cơ cấu tổ chức của Công ty .....	39
3.1.3. Khái quát về ngành nghề kinh doanh của Công ty .....	48
3.2. Phân tích thực trạng quản lý sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh.....	48
3.2.1. Phân tích tình hình biến động vốn.....	48
3.2.2. Phân tích tình hình quản lý sử dụng nguồn vốn.....	51
3.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình quản lý sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh.....	71
3.3.1. Các nhân tố chủ quan .....	71
3.3.2. Các nhân tố khách quan .....	73
3.4. Đánh giá chung về quản lý sử dụng vốn của Công ty.....	76
3.4.1. Kết quả đạt được .....	76
3.4.2. Hạn chế và nguyên nhân .....	77
<b>Chương 4. GIẢI PHÁP NHẪM QUẢN LÝ SỬ DỤNG VỐN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH BẮC NINH.....</b>	<b>79</b>
4.1. Định hướng của Công ty .....	79
4.1.1. Định hướng chung.....	79
4.1.2. Định hướng trong quản lý sử dụng vốn .....	80
4.2. Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý sử dụng vốn tại Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh.....	82
4.2.1. Cải thiện phương pháp khấu hao TSCĐ .....	82

4.2.2. Hoàn thiện công tác lập kế hoạch sử dụng vốn và huy động vốn.....	85
4.2.3. Đẩy nhanh vòng quay của vốn lưu động.....	87
4.2.4. Các biện pháp khác nhằm nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh của Công ty .....	90
4.3. Kiến nghị.....	92
4.3.1. Kiến nghị đối với cơ quan quản lý Nhà nước .....	92
4.3.2. Kiến nghị đối với Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh.....	93
<b>KẾT LUẬN</b> .....	94
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	95

## DANH MỤC VIẾT TẮT

DNNN	: Doanh nghiệp Nhà nước
GTCL	: Giá trị còn lại
KH	: Khấu hao
MTV	: Một thành viên
NG	: Nguyên giá
TCT	: Tổng công ty
TĐ	: Tập đoàn kinh tế
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ	: Tài sản cố định
TSLĐ	: Tài sản lưu động
VCD	: Vốn cố định
VLD	: Vốn lưu động



## DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ

### **Bảng:**

Bảng 3.1:	Tình hình biến động vốn của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2015-2017.....	48
Bảng 3.2:	Tỷ trọng (NPT/VCSH) của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2015-2017.....	49
Bảng 3.3:	Chỉ tiêu đánh giá khả năng tự tài trợ của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2015-2017 .....	53
Bảng 3.4:	Tình hình biến động các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2015-2017 .....	56
Bảng 3.5:	Chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2015-2017 .....	57
Bảng 3.6:	Tỷ trọng (NPT/VCSH) của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2015-2017.....	60
Bảng 3.7:	Tình hình khấu hao của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2017.....	64
Bảng 3.8:	Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý sử dụng vốn cố định của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2015-2017.....	66
Bảng 3.9:	Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý sử dụng vốn lưu động của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2015-2017.....	67
Bảng 3.10:	Cơ cấu tài sản lưu động của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2015-2017.....	68
Bảng 3.11:	Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả quản lý sử dụng vốn nói chung của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh năm 2015-2017.....	69
Bảng 4.1:	Bảng trích khấu hao TSCĐ theo Phương pháp tỷ lệ khấu hao giảm dần .....	84

### **Sơ đồ:**

Sơ đồ 3.1.	Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần nước sạch Bắc Ninh.....	40
------------	---	----

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Quản lý sử dụng vốn đóng vai trò quan trọng trong sự hình thành, tồn tại và phát triển của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp nhà nước nói riêng. Vốn là điều kiện đầu tiên và có ý nghĩa quyết định đặc biệt là trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Tuy nhiên, phải quản lý và sử dụng vốn như thế nào lại có ý nghĩa to lớn ảnh hưởng trực tiếp đến sự sống còn của doanh nghiệp. Đặc biệt đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với đặc thù của ngành là vốn lớn, tốc độ luân chuyển vốn chậm, chịu ảnh hưởng của sự biến động giá đầu vào, vì thế các doanh nghiệp này không chỉ quan tâm đến việc tìm kiếm nguồn huy động, cách thức huy động sao cho chi phí huy động vốn là thấp nhất mà quan trọng hơn là cần phải tìm biện pháp quản lý sử dụng vốn một cách khoa học chặt chẽ, phát huy tối đa hiệu quả sử dụng vốn của mình. Có như vậy doanh nghiệp mới đạt mục tiêu phát triển bền vững và thắng thế trên thương trường trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt như hiện nay.

Hiện nay ở nước ta có 583 doanh nghiệp nhà nước, chúng giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Tuy nhiên, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn mà trong đó khó khăn lớn nhất của doanh nghiệp nhà nước là: thiếu vốn, dẫn đến các doanh nghiệp phải vay ngoài với tỷ lệ lãi suất lớn, do đó chi phí vốn lớn, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn.

Qua phân tích, đánh giá số liệu từ báo cáo của các Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (theo số liệu báo cáo tài chính hợp nhất), tổng hợp tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2016 của 583 DNNN:

Dù số lượng DNNN báo cáo sụt giảm mạnh nhưng tổng tài sản thậm chí lại tăng nhẹ trong năm 2016. Vốn chủ sở hữu còn tăng mạnh hơn (theo giải thích là chủ yếu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và chênh lệch đánh giá lại tài sản và thặng dư vốn thu được trong quá trình cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên, đơn vị phụ thuộc của DNNN).

Mặt khác, do số lượng DNNN báo cáo đã giảm mạnh qua từng năm nên tổng doanh thu và lợi nhuận trước thuế của các DNNN có báo cáo cũng đã suy giảm.